

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
RẠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 124/QĐ-RĐ

Bình Thạnh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách năm 2024 của Trường THCS Rạng Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS RẠNG ĐÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách , các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Quyết định số 9703/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh về giao chỉ tiêu dự toán thu , chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho trường THCS Rạng Đông;

Căn cứ biên bản xét duyệt quyết toán Ngân sách và các nguồn ngoài Ngân sách năm 2024 của Trường THCS Rạng Đông ngày 20/5/2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán Ngân sách năm 2024 của trường THCS Rạng Đông (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo ;
- Phòng tài chính – Kế hoạch ;
- Lưu : VT,TC.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Ngọc Thủy

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Biểu mẫu 13

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS RẠNG ĐÔNG**

Chương: **622**

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-RĐ ngày của Hiệu Trưởng trường
THCS Rạng Đông)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	3870
1.1	Lệ phí	3870
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2215
b	Kinh phí cải cách tiền lương	1655
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20711
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (3.1+3.2+3.3)	20711
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11317
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3819
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	5575

Bình Thạnh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Ngọc Châu

Biểu mẫu 14

Đơn vị: TRƯỜNG THCS RẠNG ĐÔNG

Chương: 622

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	3870	3870	100%	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	3870	3870	100%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2215	2215	100%	
b	Kinh phí cải cách tiền lương	1655	1655	100%	
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	23207	23207	100%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11215	11215	100%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4842	4842	100%	
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	7150	7150	100%	

Bình Thạnh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Ngọc Thủy

Biểu số 15

Đơn vị : TRƯỜNG THCS RẠNG ĐÔNG

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-RĐ ngày / /2025 của Hiệu Trưởng Trường THCS Rạng Đông)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

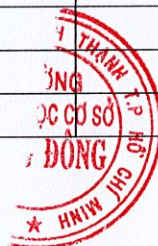
ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	9625	9625			
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí	3870	3870			
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	3870	3870			
2	Thu sự nghiệp khác	5755	5755			
	Thiết bị vật dụng BT	154	154			
	Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh BT	1108	1108			
	Học phí buổi thứ 2	1058	1058			
	Tiếng Anh tăng cường	132	132			
	Tiếng Anh GV người nước ngoài	948	948			
	Thẻ dực tự chọn	879	879			
	Kỹ năng sống	684	684			
	Stem – không gian sáng chế	714	714			
	Thu cho thuê mặt bằng	78	78			
B	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
A	Kinh phí nghiệm vụ thường xuyên					
B	Kinh phí nghiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lí hành chính					
A	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động sự nghiệp khác	5627	5627			
	Thiết bị vật dụng BT	186	186			
	Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh BT	1109	1109			
	Học phí buổi thứ 2	895	895			
	Tiếng Anh tăng cường	132	132			
	Tiếng Anh GV người nước ngoài	949	949			



	Thê dục tự chọn	879	879		
	Kỹ năng sống	685	685		
	Stem – không gian sáng chế	714	714		
	Thu cho thuê mặt bằng	78	78		
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí , lệ phí nộp NSNN				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	23207	23207		
A	Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 13)	11215	11215		
6000	Tiền lương	5680	5680		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	5680	5680		
6100	Phụ cấp lương	2622	2622		
6101	Phụ cấp chức vụ	93	93		
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	200	200		
6107	Phụ cấp nặng nhọc , độc hại , nguy hiểm				
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1624	1624		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề , theo công việc	5	5		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	15	15		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	685	685		
6300	Các khoản đóng góp	1520	1520		
6301	Bảo hiểm xã hội	1100	1100		
6302	Bảo hiểm y tế	194	194		
6303	Kinh phí công đoàn	129	129		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	65	65		
6349	Các khoản đóng góp khác	32	32		
6400	Các khoản TT khác cho cá nhân	36	36		
6449	Chi khác	36	36		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	95	95		
6502	Tiền nước	95	95		
6700	Công tác phí	30	30		
6704	Khoán công tác phí	30	30		
6750	Chi phí thuê mướn	159	159		
6757	Thuê lao động trong nước	159	159		
7000	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	8	8		
7004	Đồng phục , trang phục ,bảo hộ lao động	8	8		
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	1065	1065		1065
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập , Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	635	635		635

7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	250	250			250
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	20	20			20
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	160	160			160
A	Kinh phí chi thường xuyên KP CCTL (nguồn 14)	7150	7150			
6400	Các khoản TT khác cho cá nhân	7150	7150			
6449	Chi khác	7150	7150			
C	Kinh phí chi không thường xuyên (nguồn 12)	3770	3770			
6100	Phụ cấp lương	515	515			
6112	PC ưu đãi nghề	515	515			
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho HS,SV , cán bộ đi học	3125	3125			
6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng HP	12	12			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí HT	59	59			
6199	Các khoản hỗ trợ khác	3054	3054			
6400	Các khoản TT khác cho cá nhân	130	130			
6449	Trợ cấp , phụ cấp khác	130	130			
D	Kinh phí chi không thường xuyên (nguồn 15)	744	744			
7750	Chi khác	744	744			
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	744	744			
E	Tiền thưởng (nguồn 18)	327	327			
6200	Tiền thưởng	327	327			
6201	Thưởng thường xuyên	312	312			
6202	Thưởng đột xuất	15	15			



Bình Thạnh , ngày 26 tháng 6 năm 2025
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Ngọc Thủy